

Số: 283/2024/QĐST-HNGĐ

Nhơn Trạch, ngày 30 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ các Điều 212, 213, 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ các Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;  
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;  
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 192/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Bùi Văn T**, sinh năm 1975

Địa chỉ thường trú: Tổ 9, ấp B, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Bà **Lê Thị P**, sinh năm 1970

Địa chỉ thường trú: Tổ A, ấp B, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Ông **Bùi Văn T** và bà **Lê Thị P** chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 118 quyển số 01/09 ngày 23/10/2009 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Ông **Bùi Văn T** và bà **Lê Thị P** khai không có con chung.

Quá trình chung sống, ông **Bùi Văn T** và bà **Lê Thị P** bất đồng quan điểm nên thường xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc nên ông bà thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận cho thuận tình ly hôn.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch đã tiến hành hòa giải đoàn tụ đối với ông **Bùi Văn T** và bà **Lê Thị P** nhưng không thành; Các đương sự thống nhất thuận tình ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề liên quan. Thỏa thuận của các đương

sự ghi nhận tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Bùi Văn T** và bà **Lê Thị P** thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông **Bùi Văn T** và bà **Lê Thị P** mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông **Bùi Văn T** và bà **Lê Thị P** thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

1.3. Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

1.4. Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông **Bùi Văn T** phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 150.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0017933 ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch. Bà **Lê Thị P** phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 150.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017932 ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch. Ông **Bùi Văn T** và bà **Lê Thị P** đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

## **THẨM PHÁN**

### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân;
- UBND xã Long Tân;
- Chi cục thi hành án dân sự;
- Lưu.

**Phạm Vũ Ngọc Hiệp**